

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiều

2. Bà Phạm Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 21-02-2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62a/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

- Bị đơn: Chị Siêu Thị N, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp PB A, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

(Anh H và chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Thanh H trình bày:

Anh và chị Siêu Thị N chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn, sau đó anh chị ra sống riêng trên đất cha mẹ cho ở tạm đến 2005 chị N bỏ nhà đi và chuyển địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú về ấp PB A, xã PT, huyện GD.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và chị N thường xuyên đánh bạc, từ khi ly thân (năm 2005) đến nay anh chị không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 21-10-1992 và Lê Ngọc S, sinh ngày 13-01-1995 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Siêu Thị Ngọc: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn anh Hải, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị N chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 87, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53, 56, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX xem xét: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lê Thanh H và chị Siêu Thị N là vợ chồng. Về con chung, tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đương sự phải chi án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh H và chị N chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Khi

chung sống anh, chị có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hải và chị Ngọc là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 21-10-1992 và Lê Ngọc S, sinh ngày 13-01-1995 hiện đã thành niên và tự lao động, sinh sống được. Anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Không công nhận anh Lê Thanh H và chị Siêu Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Hiện 02 cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 21-10-1992 và Lê Ngọc S, sinh ngày 13-01-1995 đã thành niên và tự lao động, sinh sống được. Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024003 ngày 18-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên